

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thu Quỹ Phòng,
chống thiên tai năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết nội dung chi, mức chi và phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 03/QLQ ngày 20/01/2025 của Cơ quan Quản lý quỹ về việc lập Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2183/CTQNG-KK ngày 25/4/2024 của Cục thuế Quảng Ngãi về việc cung cấp thông tin để xây dựng kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024;

Căn cứ Công văn số 859/CCTKV-NV ngày 26/4/2024 của Chi Cục thuế Khu vực Đức Phổ - Ba Tơ về việc phối hợp cung cấp thông tin để lập kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 01/TTr-NN&PTNT ngày 06/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ (có kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn huyện tổ chức thu nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai

năm 2025 đúng quy định (*chỉ tiêu và thời gian thu nộp ban hành kèm theo Quyết định*).

2. Đề nghị Cục thuế Quảng Ngãi, Chi cục thuế Khu vực Đức Phổ - Ba Tơ phối hợp, đôn đốc các tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn huyện nộp Quỹ đúng quy định.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện*) theo dõi, tổng hợp và tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thu nộp Quỹ đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN huyện; Trưởng các Phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức kinh tế trên địa bàn huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPTT BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Cục Thuế Tỉnh Quảng Ngãi;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Chi Cục Thuế khu vực Ba Tơ – Đức Phổ;
- Các Tổ chức có tên tại Phụ lục;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Lưu : VT+BCH PCTT&TKCN huyện.

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Về việc ban hành Kế hoạch thu Quỹ Phòng,
chống thiên tai năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ**

I. Mục đích, yêu cầu

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân nêu cao ý thức thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai, nhận thức được tầm quan trọng của Quỹ Phòng, chống thiên tai (PCTT).

- Tổ chức thực hiện thu nộp quỹ từ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện cho công tác phòng, chống thiên tai để chi cho công tác phòng ngừa, giảm nhẹ, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; đảm bảo việc thu nộp đúng đối tượng, định mức quy định.

- Việc thu, quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và không vì mục đích lợi nhuận.

II. Nội dung thực hiện

1. Đối tượng và mức đóng góp Quỹ PCTT

1.1. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn

Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

1.2. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp hàng năm như sau:

a. Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở huyện, ở xã, thị trấn đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng (*số tiền nộp là: 54.000 đồng*).

b. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất (*số tiền nộp là: 67.000 đồng*).

c. Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

d. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

đ. Hỗ trợ từ Quỹ PCTT tỉnh cho UBND huyện

e. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

f. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

h. Tồn dư Quỹ được cấp hoặc trích lại năm trước được chuyển sang năm sau.

1.3. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

a. Đối tượng được miễn đóng góp

- Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020.

- Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

- Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

- Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mắc bệnh tâm thần có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

- Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong một năm trở lên.

- Phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

- Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên hộ gia đình ở các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

- Hợp tác xã không có nguồn thu.

- Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức

giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

1.4. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

a. Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND huyện tổng hợp danh sách Hợp tác xã không có nguồn thu, Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại tại khoản a, tiết 1.3, điểm 1, mục II trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Thời gian tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh từ 06 tháng đến 01 năm.

b. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng còn lại quy định tại khoản a, tiết 1.3, điểm 1, mục II trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định miễn đóng góp.

c. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ cấp tỉnh. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, dịch bệnh; tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ cấp tỉnh, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

2. Nội dung chi

2.1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập

huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2.2. Quy định phân trích giữ lại để thực hiện nội dung chi

- Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (*không quá 5%*); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (*không quá 3%*) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (*không quá 20%*). Số tiền thu quỹ còn lại (*tối thiểu 72% số thu trên địa bàn*) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Đối với các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã (*trừ các xã nêu trên*) được phân bổ thấp nhất.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại tối đa không quá 23% số thu trên địa bàn (*bao gồm cả số thu của cấp xã*) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện (*không quá 20%*) và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (*không quá 3%*). Số tiền còn lại (*tối thiểu 77% số thu trên địa bàn*) nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

3. Thực hiện chế độ thu, nộp quỹ

- Đối với cá nhân thu nộp một lần **trước ngày 30/6 hằng năm**; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn huyện nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước **ngày 30/6 hằng năm** và số còn lại nộp trước **30/10 hàng năm** (*Khuyến khích các đơn vị nộp Quỹ một lần trước ngày 30/6 hằng năm*).

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức; UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thu của cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng lao động khác trên địa bàn nộp vào tài khoản cấp huyện. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu quy định của Bộ Tài chính.

- Số tiền Quỹ Phòng chống thiên tai được nộp vào tài khoản:

+ Tên tài khoản: **Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Ba Tơ,**

+ Số tài khoản: **4509201004726** tại **Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Ba Tơ.**

4. Kế hoạch thu quỹ năm 2025

- Kế hoạch thu quỹ tại huyện: 210.145.000,0 đồng

(*Cụ thể có phụ lục 2 kèm theo*)

- Kế hoạch nộp vào tài khoản Quỹ tỉnh: 161.811.650,0 đồng

(*Cụ thể có phụ lục 1 kèm theo*)

III. Tổ chức thực hiện

1. UBND các xã, thị trấn

- Triển khai Kế hoạch thu, nộp Quỹ đến các cá nhân, tổ chức, đơn trên địa bàn xã, thị trấn; lập danh sách đối tượng miễn giảm theo quy định.
- Tổ chức tuyên truyền vận động cán bộ, công chức, viên chức và các hộ dân đóng góp Quỹ theo đúng quy định.
- Tổ chức thu Quỹ của cán bộ, công chức và người lao động khác tại các xã, thị trấn và nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện đúng theo kế hoạch đề ra.
- Phân công cán bộ theo dõi tình hình thu nộp Quỹ phòng chống thiên tai, định kỳ cuối mỗi tháng có tổng hợp báo cáo kết quả thu - nộp Quỹ vào tài khoản của huyện.
- Công khai danh sách cán bộ, công chức và người lao động đóng góp Quỹ bằng văn bản, niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị.
- Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu, nộp Quỹ.
- Trong quý IV hàng năm tổ chức điều tra, thu thập thông tin cán bộ, công chức và người lao động khác để xây dựng kế hoạch thu Quỹ năm tiếp theo
- Hàng năm UBND các xã, thị trấn lập báo cáo thu, chi quỹ trên địa bàn và khoản chi 3% để lại; quản lý, lưu hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 31/01 năm sau.

2. Các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của huyện ủy; Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính- sự nghiệp; các cơ quan ngành dọc, Công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền, thu tiền đóng góp Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.
- Công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đóng góp Quỹ bằng văn bản, niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu, nộp Quỹ.

3. Trung tâm Truyền thông – Văn hóa – Thể thao

Tăng cường thời lượng phát thanh tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp, các doanh nghiệp, công ty trên địa bàn huyện và nhân dân hiểu ý nghĩa mục đích của việc đóng góp quỹ, thời gian, mức đóng góp theo các văn bản quy định.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tiếp nhận kinh phí phòng, chống thiên tai do tỉnh phân bổ để thực hiện các hoạt động phòng ngừa và ứng phó thiên tai trên địa bàn huyện, phân bổ cho các ngành, các cấp thực hiện theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước huyện Ba Tơ

Tiếp nhận kinh phí nộp từ các xã, thị trấn; Các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của huyện ủy; Tổ chức chính trị xã hội; các cơ quan hành chính-sự nghiệp; các cơ quan ngành dọc; các công ty, doanh nghiệp, đóng trên địa bàn huyện theo quy định.

6. Chi cục Thuế khu vực Đúc Phổ - Ba Tơ

- Thông báo cho các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế quản lý thuế để biết và thực hiện đóng Quỹ phòng, chống thiên tai đúng theo quy định; đồng thời, có biện pháp hỗ trợ thu quỹ đối với các Tổ chức kinh tế trên địa bàn huyện chậm hoặc không nộp theo quy định.

7. Bảo hiểm xã hội huyện

Cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn huyện.

8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện*)

- Trên cơ sở Kế hoạch thu Quỹ của UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện xây dựng kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai cho các năm tiếp theo.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công tác quản lý Quỹ; báo cáo kết quả thu - nộp Quỹ về Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh theo quy định

9. Phòng Giáo dục và đào tạo

Thông báo và tổng hợp kết quả thu nộp Quỹ phòng, chống thiên tai tại các trường trực thuộc phòng quản lý, gửi UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT*) đúng quy định.

10. Đề nghị Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai cho toàn thể các hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện trách nhiệm đóng góp Quỹ PCTT theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nào chưa hợp lý, đề xuất về UBND huyện (*qua Phòng Nông nghiệp và PTNT*) xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1**Kế hoạch nộp Quỹ PCTT huyện Ba Tơ năm 2025 (77% số thu trên địa bàn nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh)**

(Kèm theo Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch thu quỹ năm 2025	Số tiền giữ lại tại huyện theo quy định	Số tiền chuyển vào TK Quỹ tỉnh năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(5)=(4)*23%	(6)=(4)-(5)	(7)
	TỔNG CỘNG	210.145.000,0	48.333.350,0	161.811.650,0	-
1	UBND các xã, thị trấn	47.412.000,0	10.904.760,0	36.507.240,0	
2	Đơn vị trường học	58.698.000,0	13.500.540,0	45.197.460,0	
3	Đơn vị HCSN	22.626.000,0	5.203.980,0	17.422.020,0	
4	Đơn vị khác đóng trên địa bàn huyện	8.640.000,0	1.987.200,0	6.652.800,0	
5	Các Tổ chức kinh tế do Chi cục thuế Khu vực Ba Tơ - Đức Phổ quản lý	33.530.000,0	7.711.900,0	25.818.100,0	
6	Các Tổ chức kinh tế do Cục thuế Quảng Ngãi quản lý	39.239.000,0	9.024.970,0	30.214.030,0	

PHỤ LỤC 2

Kế hoạch thu quỹ PCTT năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Tơ
*(Kèm theo Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2025
trên địa bàn huyện Ba Tơ)*

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
TỔNG CỘNG		196.456.900,0	2.256,0	121.824.000,0	2.160,0	21.600.000,0	150.569.203.533,4	57.560.000,0	227	1.520.900,0	6.048.000,0	
I	UBND các xã, thị trấn	47.412.000,0	590,0	31.860.000,0	2.160,0	21.600.000,0	-	-	-	-	6.048.000,0	-
1	UBND xã Ba Ngạc	1.620.000,0	30,0	1.620.000,0		-				-		
2	UBND xã Ba Xa	1.836.000,0	34,0	1.836.000,0		-				-		
3	UBND xã Ba Lế	1.674.000,0	31,0	1.674.000,0		-				-		
4	UBND xã Ba Nam	1.620.000,0	30,0	1.620.000,0		-				-		
5	UBND xã Ba Điền	1.674.000,0	31,0	1.674.000,0		-				-		
6	UBND xã Ba Trang	1.674.000,0	31,0	1.674.000,0		-				-		
7	UBND xã Ba Tiêu	1.566.000,0	29,0	1.566.000,0		-				-		
8	UBND xã Ba Vĩ	5.148.000,0	30,0	1.620.000,0	490,0	4.900.000,0				-	1.372.000,0	
9	UBND xã Ba Tô	1.890.000,0	35,0	1.890.000,0		-				-	-	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
6	BHXX huyện	540.000,0	10,0	540.000,0								
7	Ngân hàng Chính sách xã hội huyện	540.000,0	10,0	540.000,0								
8	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Ba Tơ Quảng Ngãi	540.000,0	10,0	540.000,0								
9	Bưu điện huyện Ba Tơ	540.000,0	10,0	540.000,0								
10	Trung tâm Viễn thông khu vực V	540.000,0	10,0	540.000,0								
11	Điện lực Ba Tơ	2.700.000,0	50,0	2.700.000,0								
V	Các Tổ chức kinh tế do Chi cục thuế Khu vực Ba Tơ - Đức Phổ quản lý	33.530.000,0	-	-	-	-	709.824.837,4	27.500.000,0	90,0	6.030.000,0	33.530.000,0	-

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG BA TỜ	567.000,00					10.820.700,70	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	
2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY LẬP CAO MUÔN	500.000,00					1.549.160,48	500.000,0		-	500.000,00	
3	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG NHẬT THẢO	500.000,00					1.917.013,74	500.000,0		-	500.000,00	
4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGỌC NHÂN	634.000,00					9.717.681,58	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
5	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÂY TRỒNG HOÀNG KHÁNH BA VINH	500.000,00					6.657.010,39	500.000,0		-	500.000,00	
6	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY LẬP NGỌC LAN	567.000,00					7.751.104,41	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	
7	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH HOÀNG OANH	500.000,00					2.621.529,67	500.000,0		-	500.000,00	
8	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SP HỒNG THÁI	701.000,00					5.135.672,98	500.000,0	3,00	201.000,00	701.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
9	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ VĂN PHÒNG TRUNG TIẾN	500.000,00					376.917,81	500.000,0		-	500.000,00	
10	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀNG BẠC TOÁN CHẾ	500.000,00					1.549.438,63	500.000,0		-	500.000,00	
11	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT KINH DOANH LONG ANH	500.000,00					2.001.584,56	500.000,0		-	500.000,00	
12	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TH	567.000,00					5.476.136,41	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
	BẢO NAM											
13	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY LẬP THIÊN PHÁT	500.000,00					5.526.463,84	500.000,0		-	500.000,00	
14	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC TRÂM	634.000,00					47.229.271,19	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	
15	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH THƯƠNG MẠI THÀNH TÂM	500.000,00					1.013.382,52	500.000,0		-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
16	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGHĨA THÀNH TÂM	701.000,00					17.102.411,96	500.000,0	3,00	201.000,00	701.000,00	
17	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TÔN DUNG	500.000,00					4.069.265,83	500.000,0	-	-	500.000,00	
18	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT LONG THÀNH	634.000,00					2.592.196,11	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
19	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÀNG TENG	500.000,00					7.758.541,89	500.000,0		-	500.000,00	
20	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHỤ TÙNG Ô TÔ ANH KIỆT	634.000,00					4.455.478,99	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	
21	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BỆNH VIỆN	500.000,00					6.020.622,87	500.000,0		-	500.000,00	
22	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP ĐẠI PHONG	768.000,00					1.710.999,65	500.000,0	4,00	268.000,00	768.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
23	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIANG PHÚ ĐIỀN	500.000,00					1.339.899,78	500.000,0		-	500.000,00	
24	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN GỖ VẠN PHÚC	500.000,00					498.000,00	500.000,0		-	500.000,00	
25	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢNG CÁO - TỔ CHỨC SỰ KIỆN - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH THANH	500.000,00					2.995.568,76	500.000,0		-	500.000,00	
26	CÔNG TY TNHH QC ANH ĐÀO	634.000,00					1.046.285,18	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
27	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG THƯỢNG CHI	500.000,00					2.998.000,00	500.000,0		-	500.000,00	
28	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU KIM TIỀN	567.000,00					5.545.919,73	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	
29	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG HỢP ĐẠI ÁNH DƯƠNG	500.000,00					6.061.187,61	500.000,0		-	500.000,00	
30	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ TÂN THỊNH	500.000,00					998.200,00	500.000,0		-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
31	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP & DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ MẠNH TUẤN	500.000,00					492.316,85	500.000,0		-	500.000,00	
32	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN NĂNG BA TỠ	567.000,00					138.603.788,36	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	
33	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN NĂNG BA VÌ	768.000,00					116.940.321,61	500.000,0	4,00	268.000,00	768.000,00	
34	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BA TỠ	500.000,00					5.685.837,51	500.000,0		-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
35	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG NHỊ CẨM	500.000,00					24.128.755,48	500.000,0		-	500.000,00	
36	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NĂM DƯỢC	500.000,00					1.687.184,19	500.000,0		-	500.000,00	
37	DOANH NGHIỆP TN XÍ NGHIỆP LÂM NGHIỆP ĐẠI NAM	567.000,00					1.554.425,78	500.000,0	1,00	67.000,00	567.000,00	
38	DOANH NGHIỆP TN HIỆU VÀNG THÀNH TÂM	500.000,00					3.058.689,03	500.000,0		-	500.000,00	
39	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIỆU VÀNG BẠC	500.000,00					545.806,40	500.000,0		-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
	NGỌC HUY											
40	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIỆU VÀNG CHUÔNG ĐÚNG	500.000,00					538.962,70	500.000,0		-	500.000,00	
41	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIỆU VÀNG KIM THÀNH TRỰC	500.000,00					299.552,00	500.000,0		-	500.000,00	
42	DNTN KINH DOANH VÀNG BẠC LỘC LONG	500.000,00					4.000.000,00	500.000,0		-	500.000,00	
43	CÔNG TY TNHH XÂY LẮP HUY	500.000,00					5.668.179,46	500.000,0		-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
	CHƯƠNG											
44	CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÚ SƠN	2.041.000,00					133.379.324,95	500.000,0	23,00	1.541.000,00	2.041.000,0	
45	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÚ SƠN	500.000,00					22.584.250,00	500.000,0		-	500.000,00	
46	CÔNG TY TNHH SÁU LÀI	634.000,00					2.320.193,59	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	
47	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN THIẾT KẾ TIẾN PHÁT	500.000,00					14.333.959,40	500.000,0		-	500.000,00	
48	CÔNG TY TNHH LÂM SẢN TRƯỜNG LŨY	634.000,00					14.633.406,97	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000đồng	(12)=(7)*28%	(13)
49	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ĐẠI NGÀN	634.000,00					7.937.120,23	500.000,0	2,00	134.000,00	634.000,00	
50	CÔNG TY TNHH AUXADU	701.000,00					3.456.941,04	500.000,0	3,00	201.000,00	701.000,00	
51	CÔNG TY TNHH TÔN - XÀ GỖ THÀNH LỢI	500.000,00					3.735.191,45	500.000,0	-	-	500.000,00	
52	CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH SƠN	500.000,00					10.068.603,03	500.000,0	-	-	500.000,00	
53	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG AN	2.376.000,00					12.069.621,14	500.000,0	28,00	1.876.000,00	2.376.000,0	
54	CÔNG TY TNHH	500.000,00					2.528.998,98	500.000,0	-	-	500.000,00	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
	TỔNG HỢP GIA PHÁT											
55	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HUỠNG LOAN	500.000,0					5.037.760,00	500.000,0		-	500.000,0	
V	Các Tổ chức kinh tế do Cục thuế Quảng Ngãi quản lý	39.239.000,0	-	-	-	-	149.859.378.696,	30.060.000,0	137,0	9.179.000,0	39.239.000,	-
1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BA TÔ	1.823.000,00					6.773.971.752	1.354.000,0	7,00	469.000,00	1.823.000,0	
2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BA TÔ	16.493.000,0					67.725.821.226	13.545.000,0	44,00	2.948.000,00	16.493.000,	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao nộp Quỹ tại huyện	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước		Đối tượng khác phải nộp		Tổ chức kinh tế		Lao động trong Doanh nghiệp		Trích lại theo quy định tại cấp xã	Ghi chú
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Tổng số tài sản trên BCTC 2023	Số tiền phải nộp quỹ	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)=(5)+(7)+(9)+(11)-(12)	(4,0)	(5)=(4)*54.000đồng	(6)	(7)=(6)*10.000 đồng	(8)	(9)=(8)*2/1000	(10)	(11)=(10)*67.000 đồng	(12)=(7)*28%	(13)
3	CÔNG TY TNHH HOÀNG LÂM PHÚ	10.467.000,0					40.276.242.335	8.055.000,0	36,00	2.412.000,00	10.467.000,	
4	CÔNG TY TNHH LÂM SẢN KHÁNH DUY BA TƠ	9.956.000,00					33.034.866.558	6.606.000,0	50,00	3.350.000,00	9.956.000,0	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG HÒA BÌNH - BA TƠ	500.000,00					2.048.476.825	500.000,0		-	500.000,0	